QUÁ TRÌNH TIẾP NHẬN TRUYỀN THỪA THIỀN TÔNG TỪ ẤN ĐỘ ĐẾN TRUNG HOA VÀO VIỆT NAM VÀ TINH THẦN TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN CỦA THIỀN HỌC TRÚC LÂM THỜI TRẦN

Đặng Thị Đông*

Nhận bài: 28/04/2023; Nhận kết quả bình duyệt: 07/05/2023; Chấp nhận đăng: 22/02/2024
©2024 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Thiền tông từ Ấn Độ truyền đến Trung Hoa khởi đầu từ Tổ Bồ-Đề-Đạt-Ma, rồi truyền sang Việt Nam, đỉnh cao thể hiện ở nhà Trần với sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm. Bài viết khảo sát về quá trình truyền thừa Thiền từ Ấn Độ đến Trung Hoa và vào Việt Nam; về quá trình hình thành phát triển Thiền phái Trúc Lâm thời Trần cùng những đặc điểm tư tưởng, tinh thần dung hợp Tam giáo đồng nguyên trong Thiền học Trúc Lâm thời Trần và tính thống nhất về văn hóa Phật giáo giữa các nước Ấn Độ, Trung Hoa và Việt Nam. Bài viết cũng cho thấy mối liên hệ khăng khít trong thiền, nhất là Thiền tông và những ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo Ấn Độ, Trung Hoa đến Việt Nam ở thời nhà Trần, qua đó khẳng định, bất kì một tư tưởng nào khi truyền vào Việt Nam đều được tiếp biến, dung hợp.

Từ khóa: *Đại Nam, Địa lý, Bản đồ, Lịch sử, Cương vực*

Mở đầu

Phật giáo ra đời từ Ấn Độ, dựa trên những lời dạy của Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni nhằm đưa con người chấm dứt khổ và giải thoát sinh tử. Tùy theo căn cơ, đối tượng, hoàn cảnh, quốc độ… mà việc ứng dụng các pháp môn, các hình thức sinh hoạt Phật giáo đều có sự khác nhau, kể cả về phương pháp Thiền[1]. Theo Đại thừa, *Thiền/ Thiền-na,* nghĩa Hán-Việt, phiên âm từ *dhyāna* trong tiếng *Phạn*, dịch *Tĩnh lự,* chỉ trạng thái thân tâm kết hợp thanh tịnh, thấy rõ mọi sự vật hiện tượng đúng như bản chất của nó. Theo nghĩa rộng, không thể định nghĩa, vượt ngoài ngôn từ, trực nhận. Thiền, tiếng Pàli là *Bhàvanà,* có nghĩa là "sự

* Pháp danh Thích nữ Viên Giác, NCS. K2, Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1 "Thiền" là một hoạt động thực hành mà người hành thiền sẽ sử dụng một kỹ thuật - chẳng hạn như giác sát, hoặc tập trung tâm trí vào một đối tượng, suy nghĩ hoặc hoạt động cụ thể - để rèn luyện sự chú ý và nhận thức, đồng thời đạt được trạng thái tinh thần minh mẫn và cảm xúc bình tĩnh và ổn định. hay đơn giản là đạt đến. Nguồn: Wikipedia.

Trong Phật giáo, có nhiều phương pháp và kĩ thuật thiền khác nhau. Một trong những mục tiêu chính của thiền là giúp cho sự bất động của "sáu căn" không phóng dật, không bị dụ dỗ lôi kéo dính mắc sáu pháp trần gian bên ngoài thân ngũ uẩn, gây nên sự ham muốn thích thú đam mê.
Nguồn: https://vi.wikipedia.org/wiki/Thiền trong Phật giáo.

luyện tập", "trau dồi", "tập cho quen dần", gồm hai loại căn bản: *Samatha bhàvanà* là "thiền chỉ" hay "thiền định" (*Samatha*), *Vipassanà bhàvanà* là "thiền quán" (thiền tuệ). Thiền luôn được đông đảo các quốc gia tiếp nhận. Thiền tông từ Ấn Độ truyền đến Trung Hoa với khởi đầu từ Tổ Bồ-Đề-Đạt-Ma, sau đó truyền sang Việt Nam. Pháp tu căn bản từ khi Phật giáo có mặt tại Việt Nam, mà phát triển mạnh nhất là thời đại nhà Trần cũng là "thiền". Phật giáo khi lan rộng ra các nước trên thế giới luôn vận động và phát triển tùy theo môi trường, hoàn cảnh. Tại Việt Nam, kể từ khi Phật giáo được truyền vào đến thời Trần cũng có nhiều thay đổi, nhưng vẫn trên nền các tư tưởng cơ bản của Phật giáo nguyên chất mà thiền học Trúc Lâm thời Trần đã thể hiện rõ điều đó.

Tinh thần thiền của Thiền phái Trúc Lâm thời Trần mang tính nhập thế tích cực trong lý tưởng Bồ-tát hạnh, làm tốt hai việc đạo và đời, góp phần ổn định phát triển đất nước, chống thù trong giặc ngoài. Với pháp thiền dung hợp Tam giáo đồng nguyên (Nho-Phật-Đạo) linh động, sáng tạo dựa trên những dấu ấn căn bản của lời Phật, thiền học của thiền phái đã đáp ứng được tâm lý chung của nội bộ Phật giáo, không xung đột với các hệ tư tưởng, tập hợp được sức mạnh tập thể, giải quyết các nhiệm vụ thời đại.

Bài nghiên cứu triển khai trên ba nội dung chính để làm rõ tính thống nhất về văn hóa Phật giáo giữa các quốc gia Ấn Độ, Trung Hoa và Việt Nam có mối liên hệ khăng khít trong Thiền, nhất là Thiền tông và những ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo Ấn Độ, Trung Hoa đến Việt Nam. Đến thời Trần, thiền tông đã được tiếp nhận và sáng tạo phù hợp với hoàn cảnh đất nước với nhiều tư tưởng đặc sắc, nhất là tinh thần Tam giáo đồng nguyên đã tạo ra sự dung hợp để phát triển, khiến Phật giáo hưng thịnh, đóng góp lớn cho việc hoàn thiện và phát triển trí tuệ, đạo đức của người dân Việt Nam đến tận ngày nay. Từ đó, có thể khẳng định, bất kì một tư tưởng, một tinh thần nào khi truyền vào Việt Nam đều được tiếp biến, dung hợp, và vận dụng một cách tốt đẹp nhằm đáp ứng cuộc sống của con người hướng đến thiện pháp tiến bộ.

1. Vài nét về quá trình truyền thừa Thiền từ Ấn Độ đến Trung Hoa và vào Việt Nam

Đức Phật ra đời trong hoàn cảnh xã hội Ấn Độ cổ đại vô cùng rối ren, chế độ phân biệt giai cấp gay gắt, tư tưởng thần quyền thống lĩnh tất cả đời sống con người. Thời kỳ văn minh sông Ấn đã xuất hiện hệ thống giáo lý của Veda[1].

1 Veda: Kinh Vệ-đà, hay Phệ-đà (tiếng Phạn: *वेद*; tiếng Anh: *Veda*) xem như là cỗi gốc của giới Bà La Môn và là suối nguồn của nền văn minh Ấn Độ. *Véda* có nghĩa là "tri thức". Trong kinh có những bản tụng ca để ca ngợi các vị thần, như thần lửa, thần núi, thần sông... Phần lớn ca tụng những vẻ đẹp huy hoàng, tưng bừng và mầu nhiệm của cuộc sống trong vũ trụ.
Nguồn:
https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_V%E1%BB%87-%C4%91%C3%A0.

Trước khi đạo Phật xuất hiện, Veda đáp ứng được tâm thức quần chúng bởi nó giải quyết được nhiều tâm nguyện của con người thời đó trước thiên nhiên và vũ trụ rộng lớn, mang nhiều yếu tố ma thuật, đa thần giáo. Phật khám phá ra chân lý, làm đảo lộn các trật tự xã hội Ấn Độ cổ và chỉ nhận mình là người thầy chỉ đường. Năm 35 tuổi, đức Phật thực hành con đường Trung đạo bằng thiền định suốt 49 ngày đêm dưới cội cây Bồ đề và đã phát hiện ra đạo Vô Thượng, trở thành bậc đại giác, thầy của trời người. Ngài đã thực chứng lý *Duyên khởi:* "Do cái này có, cái kia có/ Do cái này sinh cái kia sinh/ Do cái này không có, cái kia không có/ Do cái này diệt, cái kia diệt"[1]. Suốt 45 năm, Phật thuyết giảng hàng nghìn bài kinh liên quan đến triết học, đạo đức, trí tuệ, giải phóng khổ đau cho con người; khẳng định vị trí của con người vô cùng quan trọng. Ngài nói: "xưa cũng như nay, ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ" (Nārada Mahā Thera,(2013), Toàn bộ lời dạy của Phật nằm trong *Tam Tạng (Kinh-Luật-Luận, Tripitaka*).

Phật giáo truyền vào Việt Nam từ cuối thế kỷ I sang đầu thế kỷ thứ II Tây lịch bằng hai con đường: một từ Ấn Độ truyền trực tiếp qua đường biển, hai là theo đường bộ từ Trung Quốc. Trung tâm Luy Lâu của quận Giao Chỉ (và cũng là thủ phủ của cả Giao Châu từ những năm 111-106 TCN) lưu giữ nhiều dấu tích Phật giáo quan trọng. Trong buổi đầu du nhập, Phật giáo Việt Nam mang tinh thần "dung hợp". Các nhà sư Ấn Độ mang Phật giáo đến nơi đây đã nhanh chóng thích nghi với nền văn hóa "đa thần giáo" nước ta, giúp Giao Châu trở thành trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị, tôn giáo nổi tiếng.

Lịch sử Thiền Tông được đánh dấu bằng sự truyền pháp giữa bảy đức Phật quá khứ đến Phật Thích Ca Mâu Ni và Phật Tổ truyền cho tổ Ma-ha Ca-diếp thứ nhất, truyền đến tổ Bát-nhã-đa-la là thứ hai mươi bảy ở Ấn Độ, sau truyền đến năm vị tổ Đông độ (chú thích) là Đạt Ma, Huệ Khả, Tăng Xán, Đạo Tín, Hoằng Nhẫn; tiếp đến tổ Huệ Năng để lại *kinh Pháp bảo đàn,* ghi lại yếu chỉ của thiền là vô niệm, vô tướng, vô trụ. Từ khi tổ Bồ-đề Đạt-ma đến Trung Hoa năm 520 cho đến lúc Thiền tông Trung Hoa thực sự phát triển hưng thịnh, mất gần hai thế kỷ, truyền qua năm đời Tổ sư, cho đến vị tổ thứ sáu là Huệ Năng (638 - 713) thì Thiền tông mới thực sự trở thành một trong những tông phái mạnh nhất của Phật giáo Trung Hoa.

Thiền Tông chú trọng trực ngộ, thầy trò phải có nhân duyên, lấy tâm ấn làm đầu, không chấp tướng, các phương thức truyền thừa rất phong phú, hấp dẫn, đặc biệt. Nhiều ý kiến cũng cho rằng Thiền tông là một phân nhánh của Mahayana. Cũng có cách nhận định Thiền tông như là sự tổng hợp của Đại thừa Ấn Độ của *Trung quán* và *Duy thức.*

1 Dẫn theo Thích Chơn Thiện (2009), *Phật học khái luận*, Nxb Phương Đông, tr.21.

Nhiều khi Thiền tông được hiểu như không thuộc Đại thừa hay Nguyên thủy, vì tính dung hợp và siêu xuất, nhất là màu sắc đạo Lão lúc bấy giờ khi truyền vào Trung Hoa. Theo tinh thần Thiền tông, giáo pháp chỉ là phương tiện đi đến giác ngộ: "Nhất thiết tu-đa-la như tiêu nguyệt chỉ: tất cả kinh giáo ta dạy như ngón tay chỉ mặt trăng. Ngón tay là phương tiện, mặt trăng là chân lý, là thật tướng mà Phật đã chứng ngộ (Kinh Viên Giác, Lăng Nghiêm). "Ngã sở thuyết pháp như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả hà huống phi pháp" (pháp ta nói như chiếc bè qua sông, pháp còn phải bỏ hà huống là phi pháp - Kinh Kim Cang).

Trong các thế kỷ VII - XIV, Thiền tông đã xâm nhập toàn bộ văn hóa xã hội nước ta. Thiền sư Thiền Phong người Trung Hoa đem Thiền Lâm Tế truyền vào Đại Việt khoảng thế kỉ XIII. Thiền sư Đại Đăng là đệ tử đầu tiên dòng này, đặc biệt chú trọng đến Thiền công án. Thiền sư Thủy Nguyệt (người Việt), pháp danh Thông Giác Đạo Nam ở Sơn Nam (thuộc tỉnh Thái Bình ngày nay) sang Trung Quốc cầu pháp từ thiền sư Nhất Cú Trí Giáo phái Tào Động. T*ào Động truyền vào* miền Bắc thời kỳ đầu, *khoảng* trên *100 năm* vẫn *truyền* thừa theo phương thức "Dĩ tâm *truyền* tâm".

Thiền phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi (người gốc Ấn Độ)[1], có tư tưởng bắt nguồn từ tinh thần Bát-nhã, Tam luận, Hoa Nghiêm, và cả khuynh hướng thiên về Mật giáo. Thiền phái Vô Ngôn Thông[2] có nguồn gốc từ phái thiền của ngài Huệ Năng (638-713) ở Trung Quốc. Thiền phái Thảo Đường[3] có nguồn gốc từ thiền sư Thảo Đường người Trung Quốc. Các thiền sư phái Trúc Lâm thời Trần đã tiếp tục kế thừa thiền của Phật giáo Ấn Độ, Trung Hoa, đồng thời tiếp biến và phát huy các đặc sắc thiền, khiến thiền trở nên sống động, phù hợp với hoàn cảnh quốc gia, dân tộc, con người Đại Việt.

2. Vài nét về qúa trình hình thành phát triển Thiền phái Trúc Lâm thời Trần cùng những đặc điểm tư tưởng

Điều kiện khách quan của hoàn cảnh, xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục… đã tác động đến sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm thế kỉ XII bằng việc Trần Nhân Tông thống nhất các

1 Tì-ni-đa-lưu-chi (tiếng Trung: 毘尼多流支, tiếng Phạn: Vinītaruci; ? – 594), cũng được gọi là Diệt Hỉ (滅喜), là một Thiền sư người Ấn Độ, từng sang Trung Quốc tham học và là môn đệ đắc pháp của Tam tổ Tăng Xán. Cuối đời ông xuống phương Nam truyền pháp và được tôn xưng là Tổ khai sáng thiền phái Tì-ni-đa-lưu-chi tại Việt Nam. https://vi.wikipedia.org/wiki/ Tì-ni-đa-lưu-chi.

2 Vô Ngôn Thông (無言通), 759 (?) – 826, là một vị Thiền sư Trung Quốc, đệ tử của Thiền sư nổi tiếng Bách Trượng Hoài Hải. Năm 820, sư qua Việt Nam, ở tại chùa Kiến Sơ (建初寺), ngày nay thuộc Hà Nội, thành lập phái thiền Vô Ngôn Thông. Sư mất năm 826, và phái thiền của sư kéo dài được 17 thế hệ.

https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B4_Ng%C3%B4n_Th%C3%B4ng.

3 Thảo Đường (chữ Hán: 草堂; 997-1047), Hiện là Tuân Phát Hỉ Túc,một Quốc sư dưới triều vua Lý Thánh Tông và là người sáng lập thiền phái Thảo Đường trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A3o_%C4%90%C6%B0%E1%BB%9Dng.

dòng Thiền Tì-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường vào năm 1298. Các nghiên cứu đánh giá và thực tiễn đều cho thấy tư tưởng Thiền học Trúc Lâm mang đặc điểm và tính chất của Thiền Phật giáo.

Đặc điểm Thiền học thời Trần có sự tiếp nhận nhiều nguồn hệ phái, nhiều pháp tu khác nhau trên tinh thần dung hòa và có chọn lọc; chủ trương bất kể xuất gia hay tại gia, chỉ cần tự thanh lọc tâm, tùy duyên thuận pháp, vô ngã vị tha, tùy căn cơ hoàn cảnh mà an với nơi mình ở, vui với việc mình làm, siêu xuất, kiến tánh, tự tại, dũng mãnh, vô chấp, bình đẳng,... đã tạo ra mẫu người Đại Việt thời Trần; sự dung hợp chính là nét đặc sắc của Phật giáo Việt Nam. Có thể nhận thấy những điểm chính mang dấu ấn tư tưởng Thiền học của Trúc Lâm: Thứ nhất, vua quan đều là cư sĩ hộ pháp đắc lực, hết lòng tu Phật và ứng dụng Phật giáo vào lãnh đạo đất nước; Thứ hai, Thiền học Trúc Lâm tiếp tục tinh thần dung hợp sâu và tiếp biến sâu sắc; Thứ ba, Thiền học thời Trần mang tính trực ngộ trí tuệ và thiết thực hiện tại; Thứ tư, Thiền học của Thiền phái Trúc Lâm vẫn mang các đặc điểm và tính chất của Thiền Phật giáo nhưng gắn với văn hóa Đại Việt.

Trần Nhân Tông chính thức là người khai sáng Thiền phái Trúc Lâm, lần đầu tiên trong lịch sử, Phật giáo Việt Nam được thống nhất từ Trung ương đến địa phương, thống nhất trong ý chí và hành động, để tạo ra sức mạnh tổng hợp toàn dân, ba lần đại thắng Nguyên Mông.

Thiền phái Trúc Lâm thành lập vào đời Trần do sự hợp nhất của ba dòng thiền Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi, Vô-Ngôn-Thông, Thảo Đường nhưng nguồn gốc lại chính là từ thiền sư Viên Chứng (tức là thiền sư Đạo Viên, Trúc Lâm Quốc Sư) ở Yên Tử - người đã khai ngộ cho vua Trần Thái Tông để đặt nền tảng cho việc thành lập Thiền phái Trúc Lâm sau này. Vì vậy, Thiền phái Trúc Lâm (thiền tông đời Trần) đã "kế thừa thiền tông thời Lý, dung hòa cả Thiền và Tịnh độ, cả đốn ngộ và tiệm ngộ; truyền đạo vừa bằng công án hiểm hóc vừa bằng sự diễn giảng tỏ rõ và chí thiết, phần nào đi ra ngoài truyền thống "vô ngôn" của Thiền. Tinh thần này mở đầu với Trần Thái Tông và được kế tiếp bởi Tuệ Trung, Trần Nhân Tông, Pháp Loa.

Các vua quan, tướng lĩnh, thiền sư thời Trần như Trần Thái Tông (1218-1277), Tuệ Trung Thượng Sỹ (1230-1291), Trần Thánh Tông (1240-1290), Sơ Tổ Trần Nhân Tông (1258-1308), Nhị Tổ Pháp Loa (1284-1330), Tam Tổ Huyền Quang (1254-1334)... đã sáng suốt khi ứng dụng Phật giáo vào giải quyết các vấn đề của đất nước và phổ quát sâu rộng trong nhân gian về thiện pháp, từ bi trí tuệ, đoàn kết, tin tưởng, phụng hiến, lục hòa.

3. Tinh thần dung hợp *Tam giáo đồng nguyên* trong Thiền học Trúc Lâm thời Trần tại Việt Nam

Phật giáo thời Trần chủ trương Tam giáo đồng nguyên, Nho-Phật-Lão cùng hòa quyện vào nhau, là dựa trên tinh thần vô ngã. Có thể nhận ra đặc điểm

này ở nhiều phương diện: tư tưởng, chính trị, giáo dục, văn hóa...

Phật giáo được coi trọng nhưng nhà Trần vẫn phải tiếp tục quản lý đất nước theo tinh thần "Tam cương-Ngũ thường" của Nho giáo (Tống Nho) để ổn định trật tự xã hội. Đạo giáo là học thuyết của Lão - Trang, tuy không có sức ảnh hưởng như Phật hay Nho nhưng lại giữ vai trò khá quan trọng trong đời sống tâm linh quần chúng. Thiền học thời Trần "là một thực thể phức hợp tư tưởng, nó có yếu tố trục tâm và các phương quy chiếu, hội tụ khác nhau. Triết học nhân sinh của Đạo gia có mặt một cách khá đậm nét và là một cách nói hộ cho nhiều tư tưởng thiền" (Nguyễn Kim Sơn, 2017). "Hòa kỳ quang, đồng kỳ trần" là tư tưởng của Lão Tử đã được Trần Nhân Tông viết về Tuệ Sĩ trong *Thượng Sĩ hành trạng* là "hỗn tục hòa quang" (hòa ánh sáng cùng đời). Tinh thần này đã trược Trần Nhân Tông xiển dương và ứng dụng trong *Cư trần lạc đạo phú*[1], Hội thứ 5. Nhìn chung cả Nho-Phật-Đạo đều hướng về cái đẹp, an lạc. Nhưng có lẽ, chỉ có đạo Phật là vừa bao hàm thế gian và xuất thế gian. Thiền học Trúc Lâm dung hợp cả Nho và Đạo, giữa ba đạo đều có một số điểm tương đồng, nhưng nhìn chung Phật giáo sâu sắc hơn ở triết lý.

Trần Thái Tông đã tiếp thu tinh thần đạo hiếu của Nho nhưng vẫn muốn theo con đường thoát ly của đạo Phật chọn hướng xuất gia/ xuất ly, phù hợp 10 ba-la-mật là: 1) Bố thí *(Dàna);* 2) Trì giới *(Sìla);* 3) Xuất gia *(Nekkhamma);* 4) Trí tuệ *(Pannà);* 5) Tinh tấn *(Viriya);* 6) Kham nhẫn *(Khanti);* 7) Chân thật *(Sacca);* 8) Quyết định *(Adhitthàna);* 9) Tâm từ *(Mettà);* 10) Hành xả *(Upekkhà)* của Nguyên thủy Phật giáo, vì hiếu đạo theo Phật giáo cao nhất là nương tựa Tam bảo, xuất gia tu tập. Nhưng sau này thể theo tinh thần Đại thừa, vua đã bằng lòng quy hướng Tam bảo và hành hạnh nguyện bồ-tát giữa đời, thân không xuất gia nhưng tâm xuất gia. Theo *Kinh Tăng Chi I*[2] Phật dạy biết ơn là phẩm chất của một người cao thượng, là hạng người hy hữu trên thế gian. Người con chí hiếu của Phật giáo luôn khuyến hóa cha mẹ làm điều phước thiện, quy y Tam bảo, thọ trì giới luật, sống theo chánh kiến. Các thiền sư thời Trần đã tiếp thu rất thống nhất tinh thần ứng dụng triết lý Phật giáo vào cuộc đời bằng tinh thần thiền dung hợp, bình yên, tự tại.

Những quan niệm về không sát sinh giữa Nho, Phật và Đạo cũng khéo được các thiền sư thời Trần vận dụng vào đời sống để tạo ra các giá trị lành mạnh. Trần Thái Tông với kiến thức Tam giáo uyên thâm đã nhận ra điểm chung của ba đạo này về lòng yêu thương chúng sanh muôn loài; chỉ rõ sự dung hợp của ba đạo về quan điểm sát sinh. Trong *Khóa hư lục*, vua viết: "Người quay đầu liền đến quê nhà, kẻ phóng tâm hằng chìm địa ngục.

1 *Cư trần lạc đạo phú*: là bài phú Nôm đầu tiên của nước ta do vua Trần Nhân Tông, hiệu Trúc Lâm Đại Sĩ sáng tác khi xuất gia. Gồm 10 Hội kể về phương pháp tu tập của Trúc Lâm Đại Sĩ.

2 *Tăng chi* bộ (Aṅguttara Nikāya): *là* bộ *kinh* thứ tư trong năm bộ thuộc hệ thống *Kinh* tạng Nikāya của Phật giáo Thượng Tọa bộ (Theravāda).

Sách Nho dạy: "Thi ân bố đức". Kinh Đạo dạy: "Ái vật hiếu sanh". Phật chỉ cấm sát là giữ giới"(Thích Thanh Tứ, 2017). Nho giáo xiển dương, đối với người và các loài vật đều phải đem ân đức ra ban rải, Đạo giáo dạy đối với loài vật cũng phải yêu thương và quý sinh mạng của chúng mà không nên giết hại. Phật giáo chỉ dạy thẳng đừng giết, cho nên giới đầu tiên trong *Ngũ giới* đối với người cư sĩ Phật tử là bất sát, gắn liền với đức lớn, phát triển lòng yêu thương vô hạn không phân biệt, từ đó con người bình đẳng để có thể nhập vô ngã.

Nhìn chung, cả Nho-Phật-Đạo đều hướng về cái đẹp, an lạc, hạnh phúc. "Lạc của thiền là vô chấp, là siêu việt. Lạc của Nho gia trong vòng của nhân tình thế tục (…). Còn lạc của Đạo giáo là lạc thú của sự vượt bỏ mọi giới hạn, vứt bỏ mọi ràng buộc (…), vì siêu việt được nên thiền gia lạc giữa cõi trần được" (Nguyễn Kim Sơn, 2017). Nhưng có lẽ, chỉ có đạo Phật là vừa bao hàm thế gian và xuất thế gian. Thiền học thời Trần khuyến khích trai giới, lại khuyên người trung hiếu vẹn toàn với vua quan, quần thần, gia đình, dòng họ, cha mẹ, họ hàng, láng giềng… Và chính Nho gia đã giúp các thiền sư bình ổn trị nước, điều phục mọi căn cơ, đưa minh triết Phật giáo giữ chủ chốt là quốc giáo trong mọi hành động. Vì vậy phương thức linh động dung hợp rộng rãi tùy duyên bất biến tỏ ra rất hiệu quả trong tu tâm dưỡng tính đạt kết quả thiện lành.

Thời Trần, tiếp tục duy trì tinh thần giáo dục *Tam giáo đồng nguyên* có từ trước đó, đậm nhất thể hiện ở mặt giáo dục, trong đó, lấy Phật giáo làm hệ tư tưởng chính. Giáo dục thời Trần đòi hỏi người ứng thí các khoa thi phải thông hiểu kiến thức cả ba đạo này mới có thể đỗ đạt. Năm 1272 vua Trần Nhân Tông xuống chiếu tìm người tài giỏi, đạo đức, thông hiểu kinh sách, có thể giảng bàn ý nghĩa của *Tứ thư*, *Ngũ kinh*; mời vào hầu vua đọc sách; giáo dục đã có những bước tiến quan trọng; khuyến khích mở trường học ở kinh đô và các địa phương, tổ chức thi cử để chọn nhân tài,... Vua Trần Anh Tông sai sứ sang Trung Quốc thỉnh *Đại Tạng kinh*. Giáo lý đạo Phật Thiền tông Đại thừa dưới thời Trần được phổ biến trong xã hội. Pháp Loa đã biên soạn, viết lời niêm tụng, bình luận, giải thích và khắc in tác phẩm của các vị thầy khác, như: *Thượng sĩ ngữ lục* của Trần Tung, *Thạch thất mị ngữ, Thiền lâm thiết chủy ngữ lục* của Trần Nhân Tông... mà *Đại Việt sử ký toàn thư* - bộ sử lớn của nước ta cũng đã ghi lại. Các vua quan và chư tăng thời Trần rất có ý thức nhập thế trong tinh thần đạo pháp với dân tộc, Phật giáo theo chánh đạo nhưng vẫn thích nghi với hoàn cảnh đất nước.

4. Đánh giá

Điều kiện khách quan của hoàn cảnh chính trị xã hội, văn hóa... đã tác động đến sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm với sự thống nhất ba Thiền phái (Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô-Ngôn Thông, Thảo Đường). Tư tưởng Tam giáo ở Thiền học Trúc Lâm thời Trần vẫn được vận dụng kế thừa trước đó để Phật giáo chung sống hòa bình với các tôn giáo khác; để phù hợp với hoàn cảnh lịch sử nước nhà bấy giờ nhằm tạo ra sức mạnh đoàn kết, giải quyết các nhiệm vụ

của thời cuộc, đưa đất nước đi lên, bảo vệ vững chắc độc lập tự chủ của Đại Việt; cũng là đúng với tinh thần vượt "nhị nguyên"[1] của Thiền tông.

Phật giáo du nhập vào Việt Nam trên 2.000 năm, đặc biệt phát triển rực rỡ ở thời Trần trong tinh thần nhập thế sâu sắc. Phật giáo từ khi du nhập đã không ngừng tiếp biến để phù hợp với không gian, thời gian, con người, văn hóa, tập tục, tín ngưỡng, lối sống sinh hoạt... của cư dân nước ta, nhưng nhìn chung các giáo lý căn bản vẫn được hoằng truyền, trong đó cả hai đặc điểm xu hướng từ Ấn Độ và Trung Hoa đều được tiếp nhận từ rất sớm. Giáo pháp vi diệu rộng lớn đức Phật thuyết giảng, sau này các Tổ nói chung và các Thiền Sư thời Trần nói riêng đã khéo léo sử dụng khế cơ - khế lý - khế thời để Phật giáo được đứng vững và phát triển trong lòng dân tộc, tạo nên sức mạnh tổng hợp về mọi mặt, luôn "đồng hành cùng dân tộc".

Như vậy là ngay từ đầu, đường lối tu thiền đời Trần đã có từ vua Trần Thái Tông. Ngài là người lãnh đạo đất nước, đồng thời là một ông vua thiền sư. Vua đã giải ngộ về thiền và giáo khi ngoài ba mươi tuổi, sau đó soạn viết rất nhiều sách, pháp học và pháp hành tròn đầy. Nhờ vậy, sau này Trần Nhân Tông đã thống nhất các Thiền phái về một mối và chủ trương xây dựng hệ thống giáo lý thiền-giáo song hành, dung hợp với Thiền tông Ấn Độ và Trung Hoa, pha trộn Mật tông cùng những tín ngưỡng dân gian, đồng thời còn vận dụng Tam giáo đồng nguyên, Thiền-Tịnh-Mật, vận dụng khéo léo những "ảnh hưởng của Lão Trang và những tư tưởng đặc biệt, sáng suốt của dân tộc Việt Nam trong điều kiện sống riêng của mình" (*Thơ văn Lý-Trần*, 1977).

Trong mối quan hệ *Tam giáo đồng nguyê*n, Phật giáo đời Trần giữ vai trò chủ đạo trong tư tưởng nhưng chính Nho giáo mới được dùng để sắp xếp bộ máy lãnh đạo quốc gia, hai yếu tố này được kết hợp hài hòa để nhằm tạo ra sự phát triển phù hợp với yêu cầu lịch sử. Trong đó, Phật giáo không chú trọng đến địa vị, chỉ nhờ tinh thần giáo dục học Phật để sống an lạc, tốt đẹp, bất hại; vì vậy Phật giáo được đông đảo các giai cấp ưu ái và ủng hộ. Thiền Trúc Lâm còn dung hợp yếu tố tích cực của cả Nho giáo và Đạo giáo để giúp con người phát triển toàn diện, phù hợp với con đường phát triển của thời đại; dung hợp với cả Tịnh độ-Mật tông-tín ngưỡng dân gian bản địa, mang tính đại chúng. Do các tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm phù hợp với văn hóa và lối nghĩ của người Việt nên đã được đông đảo các tầng lớp quần chúng hưởng ứng; khiến Phật giáo không yếm thế.

1 *Nhị nguyên*: là một học thuyết triết học thừa nhận sự tồn tại độc lập của hai thực thể. Có nhiều dạng nhị nguyên, một trong số đó là thuyết nhị nguyên về triết học xem vật chất và ý thức, tạo thành hai nguồn gốc của thế giới.

Nguồn: https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BB%8B_nguy%C3%AAn.

Ngoài những đặc điểm chung của Phật giáo, Phật giáo Trúc Lâm thời Trần vẫn có những nét riêng, nhất là tinh thần dung hợp vốn ảnh hưởng sâu sắc từ nền văn hóa của dân tộc. Vì vậy, Thiền học thời Trần vừa mang tính dung hợp giữa màu sắc Phật giáo Ấn Độ và Trung Hoa với tâm thức quần chúng, vừa dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian và dung hợp Tam giáo, kết hợp hài hòa các pháp tu cũng như các tông phái, từ đó khiến Phật giáo không ngừng ăn sâu trong tâm thức quần chúng, tiếp tục được phát triển và tạo nên sức mạnh tổng hợp cho đất nước; rất phong phú, đặc sắc, uyển chuyển, có giá trị to lớn, thiết thực đối với quần chúng, mang tính nhập thế cao.

Kết luận

Thiền Phật giáo bắt nguồn từ Phật giáo Ấn Độ, sau này lan truyền ra nhiều nơi trên thế giới. Khi vào Việt Nam, chư vị Tổ sư đã linh động dung hợp Thiền với nhiều yếu tố bản địa, nhưng nhìn chung, cốt lõi tinh túy của thiền, nền tảng căn bản của lời Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni khai hóa vẫn được giữ nguyên, hướng đến giác ngộ giải thoát luân hồi. Thiền tông Việt Nam thời Trần với tư tưởng dung hợp Tam giáo (Nho-Phật-Lão) đồng nguyên, đã đưa thiền ứng dụng tích cực vào cuộc sống, nhập thế, đạt nhiều hiệu quả cao, thiết thực.

Việc ra đời của dòng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử biểu lộ tính độc lập dân tộc, tránh thân ngoại, hướng đến thống nhất ý thức hệ, xây dựng một tôn giáo mới phù hợp với hoàn cảnh nước nhà, gần gũi với đời. Tinh thần Phật giáo biện tâm - nhìn thẳng vào nội tâm để thanh lọc, tùy duyên bất biến, "hòa quang đồng trần", lấy niết-bàn ngay tại cuộc đời, không phụ thuộc vàocác nền văn hóa ngoại lai… đã khiến Phật giáo thời Trần phát triển đến đỉnh điểm, đồng hành cùng dân tộc trên mọi lĩnh vực.

Việc đại chúng hóa Thiền Tông thời Trần đã khiến cho xã hội Đại Việt ổn định, nhân văn, bình đẳng, phát triển. Điều này cho thấy rõ tầm quan trọng của hệ tư tưởng thiền học đúng đắn mà Thiền phái đã sử dụng (kế thừa và phát triển Phật học Nguyên thủy, Đại thừa, đồng thời sáng tạo cho phù hợp văn hóa lịch sử), nhờ vậy mà đạt nhiều kết quả tốt đẹp trên tất cả các mặt khi ứng dụng Phật giáo là quốc giáo. Vai trò Phật giáo Trúc Lâm thời Trần không chỉ thành công và có ý nghĩa đối với Đại Việt mà cũng rất thiết thực cho xã hội Việt Nam thời hiện đại.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Kim Sơn (2017), "Cội nguồn triết học của tinh thần thiền nhập thế Trần Nhân Tông" trích trong sách *Trần Nhân Tông, Thiền lạc và thi hứng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Thích Thiện Siêu (2003), *Lược giảng Kinh Pháp Hoa*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

Nārada Mahā Thera (2013), *Đức Phật và Phật Pháp,* Phạm Kim Khánh (dịch), Nxb Tổng Hợp Tp HCM.

Thích Chơn Thiện (2009), *Phật học khái luận*, Nxb. Phương Đông.

Thích Thanh Từ (2017), *Khóa hư lục giảng giải*, Nxb Văn hóa-Văn nghệ.

Thơ văn Lý Trần (1977), Viện Văn học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.